

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HSST

Ngày: 22-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông: Nguyễn Đăng Hoàn

2/ Ông: Điều Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Tân Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Hồng – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân thị xã BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Đức D, (Tên gọi khác Danh Dũng) sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp Thanh H, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Không có nơi ở ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trương Văn Dũng, sinh năm 1962 và bà Đặng Thị Ái Lệ, sinh năm 1963; Có vợ tên: Lê Thị Châu Pha, sinh năm 1982 và có 01 người con tên Trương Gia Nghi, sinh năm 2009; Có 05 anh, chị, em. Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: Ngày 26/10/2015 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 386/HSPT. Ngày 10/7/2016 chấp hành xong hình phạt. Tiền sự: 01: Ngày 20/02/2018 bị Ủy ban nhân dân xã ThL ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 15/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 3 tháng; Ngày 12/5/2018 có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, ngày 20/5/2018 bị cáo đầu thú bị tạm giữ và tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Bị hại: Bà **Nguyễn Thị Kiều Ng**, sinh năm 1992 (Có mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp Th S, xã ThPh, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Danh Ph**, sinh năm 1962 (Có mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 05, ấp Th S, xã Th Ph, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông **Phan Văn S**, sinh năm 1992 (Có đơn xin vắng mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp Th T, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

3/ Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 410, khu phố N Ph, thị trấn LN, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/5/2018, bị cáo đi bộ đến nhà người quen là Bùi Tấn L, tại tổ 09, ấp Thanh H, xã ThL, thị xã BL. Lúc này L đang ngồi uống rượu với Nguyễn Thị Nhựt L1, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Anh M. Bị cáo không tham gia uống rượu nên ra nằm chơi ở vũng bên hông nhà của anh L.

Khoảng 09 giờ cùng ngày có Nguyễn Thị Kiều Ng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, biển số kiểm soát 93H1-3036 đến nhà L và dựng xe gần chỗ bị cáo nằm rồi vào nhà L tham gia uống rượu cùng mọi người. Đến khoảng 11 giờ bị cáo nhìn thấy trên xe mô tô của chị Ng có sẵn chìa khóa công tắc nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, quan sát thấy không có ai trong coi xe, bị cáo lén lúc đẩy xe ra đường, cùng lúc này chị L1 đi vệ sinh nên nhìn thấy bị cáo đang đẩy xe nhưng nhầm tưởng bị cáo mượn xe của chị Ng. Sau khi đẩy xe mô tô được một đoạn bị cáo khởi động máy điều khiển xe đi tìm nơi bán. Trên đường đi xe bị hỏng nên bị cáo ghé vào tiệm sửa xe của anh Hoàng Minh Đ sửa hết 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), do không có tiền nên thiếu lại anh Đ. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến quán nước thuộc ấp Th K, xã ThL bán chiếc xe đã chiếm đoạt cho anh Phan Văn S được 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), bị cáo trả cho anh Hoàng Minh Đ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn*

đồng) tiền sửa chữa xe, mua ma túy để sử dụng hết 170.000 đồng (*Một trăm bảy mươi ngàn đồng*), số tiền còn lại tiêu xài hết. Sau khi mua xe, anh S đưa cho anh Nguyễn Văn T đăng ký thường trú: khu phố N Ph, thị trấn LN, huyện LN mang đi sửa chữa.

Sau khi bán xe bị cáo bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 20/5/2018, bị cáo đến Công an xã ThL đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe đã tháo rời thành nhiều bộ phận từ anh Nguyễn Văn T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã BL xác định: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, màu sơn xanh, biển số kiểm soát 93H1-3036, số máy HC09E-0485898, số khung RLHHC09043Y485813 đã qua sử dụng trị giá 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Vật chứng của vụ án:

Đối với xe honda Wave biển số 93H1-3036, không có phần vỏ áo nhựa, số máy HCO9E-0485898, số khung RLHHCO9043Y485813 và những bộ phận của xe được tháo rời quá trình điều tra xác định là xe và phụ tùng xe của ông Nguyễn Danh Ph là cha ruột của chị Nguyễn Thị Kiều Ng, ông Phương giao cho chị Ng quản lý sử dụng nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Phương.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Danh Ph yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.950.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền sửa chữa chiếc xe mô tô bị tháo rời.

Anh Phan Văn S yêu cầu bị cáo trả lại 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền mua xe mô tô.

Tại bản cáo trạng số 28/CT – VKSBL ngày 31/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố bị cáo Trương Đức D về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo đồng ý với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL tại phiên tòa. Bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét xử nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã BL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã BL, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Đó là vào khoảng 11 giờ, ngày 12/5/2018 tại tổ 9, ấp Thanh H, xã ThL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Wave, biển số kiểm soát 93H1-3036 của bà Nguyễn Thị Kiều Ng(Xe của ông Nguyễn Danh Ph giao cho bà Ng quản lý, sử dụng) mang đi bán lấy tiền để sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân, đến ngày 20/5/2018 bị cáo đến Cơ quan Công an đầu thú. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra vụ án, với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường và tang vật thu giữ được, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự. Trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*). Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã BL truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay có đầy đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo Trương Đức D phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, x khoản 1

và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo tù 14 đến 20 tháng tù.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi của bị cáo liều lĩnh, xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo có 01 tiền án đó là: Ngày 26/10/2015 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án hình sự phúc thẩm số 386/HSPT. Ngày 10/7/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt. Tuy nhiên, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 12/5/2018) chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền sự: Ngày 20/02/2018, bị Ủy ban nhân dân xã ThL ra Quyết định xử lý hành chính áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 15/QĐ-UBND về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 03 tháng, tính từ ngày 20/02/2018. Đang trong thời gian chấp hành Quyết định xử lý hành chính đến ngày 12/5/2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Lẽ ra, sau một lần bị xét xử và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn bị cáo phải lấy đó làm bài học cho bản thân, cố gắng cai nghiện, lao động để nuôi sống bản thân. Trái lại, do xem thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân, lười biếng lao động nên bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm bán lấy tiền để thỏa mãn cơn nghiện và tiêu sài cá nhân. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là con của người có công với cách mạng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Bộ

luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo từ 14 đến 20 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về tang vật của vụ án:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu honda, kiểu dáng Wave biển số 93H1-3036, không có phần vỏ áo nhựa, số máy HCO9E-0485898, số khung RLHHCO9043Y485813 và những bộ phận của xe được tháo rời. Chiếc xe trên là của ông Nguyễn Danh Ph cha ruột của chị Nguyễn Thị Kiều Ng giao cho chị Ng quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả cho ông Phương là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên Tòa, Ông Nguyễn Danh Ph (Là chủ sở hữu hợp pháp) yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.950.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*) là tiền sửa chữa chiếc xe mô tô bị tháo rời. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Phương số tiền trên. Xét thấy thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và ông Phương là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra, tại Cơ quan điều tra anh Phan Văn S yêu cầu bị cáo trả lại 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) là tiền mua chiếc xe mô tô là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Những vấn đề liên quan:

Đối với việc sau khi chiếm đoạt được chiếc xe kiểu dáng Wave biển số 93H1-3036, bị cáo bán cho anh Phan Văn S. Tuy nhiên, khi mua anh S không biết chiếc xe trên là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh S là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc sau khi mua xe từ bị cáo, anh S nhờ anh Nguyễn Văn T mang đi sửa chữa. Tuy nhiên, anh Tươi không biết nguồn gốc xe là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý anh Tươi là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc bị cáo khai nhận sau khi chiếm đoạt được xe bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Hiện Cơ quan điều tra chưa xác định được người bán ma túy cho bị cáo, khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*” “*Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng*”. Do đó, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử trách nhiệm dân sự và xử lý án phí là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Trương Đức D** (Tên gọi khác Danh Dững) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trương Đức D** 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2018.

2/ Xử lý trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và ông Nguyễn Danh Ph. Bị cáo phải bồi thường cho ông Phương số tiền 3.950.000 đồng (*Ba triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng*).

Buộc bị cáo trả lại cho anh Phan Văn S 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)

3/ Về xử lý án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Đức D phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 247.500 đồng (*Hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án và bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Công an thị xã Bình Long;
- THA DS thị xã Bình Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ công an tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Hữu Đức